

TTĐT(2)

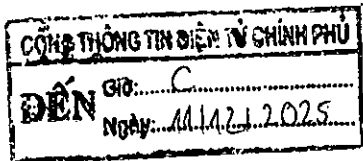
CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 403/NQ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025



NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng
tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 8753/TTr-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2025 và Công văn số 10929/BNV-CTL&BHXH ngày 19 tháng 11 năm 2025;

Trên cơ sở biểu quyết của Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan rà soát các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội để tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội để mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khuyến khích, hỗ trợ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo đảm khả thi, phù hợp với thực tiễn.

b) Tăng cường chỉ đạo và triển khai thực hiện các giải pháp đổi mới toàn diện nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền hướng đến tất cả cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ lợi ích, vai trò, ý nghĩa của chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội.

c) Kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cấp có thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này trước ngày 31 tháng 7 năm 2028; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này trước ngày 31 tháng 01 năm 2031.

2. Bộ Tài chính:

a) Bố trí đầy đủ, kịp thời ngân sách để đóng bảo hiểm xã hội, hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định.

b) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

- Chủ động, tích cực tổ chức triển khai thực hiện tốt chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội và chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về việc mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

- Chủ động tham mưu, đề xuất với các bộ, ngành về những giải pháp, cơ chế, chính sách để phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền dưới nhiều hình thức để cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, người dân, doanh nghiệp nắm vững về ý nghĩa, tầm quan trọng của bảo hiểm xã hội và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, tổ chức trong việc tham gia bảo hiểm xã hội.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động và người sử dụng lao động thực hiện các thủ tục về bảo hiểm xã hội.

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

- Định kỳ 06 tháng, tổ chức sơ kết, đánh giá và kịp thời thông tin, báo cáo các cấp, các ngành về kết quả thực hiện mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này với Bộ Nội vụ trong Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội; thời hạn báo cáo trước ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KGVX, PL, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

35



a) Hằng năm, xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, ban hành; bảo đảm đến năm 2030, số người tham gia bảo hiểm xã hội không thấp hơn chỉ tiêu được giao tại Điều 1 Nghị quyết này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc hoàn thành chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và giải pháp triển khai thực hiện để đạt được chỉ tiêu được giao. Thường xuyên phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin về dân cư, lao động, tiền lương, thuế, đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn để rà soát, đối chiếu và xử lý quyết liệt tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, kết hợp huy động các nguồn lực xã hội, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội trên địa bàn. Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Thành lập, kiện toàn, phát huy vai trò của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn mỗi cấp tỉnh, cấp xã; đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã làm Trưởng ban.

e) Hằng năm, tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tại địa phương; trước ngày 30 tháng 12, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này là một nội dung trong báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia bảo hiểm xã hội; vận động các nguồn lực để hỗ trợ đoàn viên, hội viên tham gia bảo hiểm xã hội; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.



Phụ lục

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 403 /NQ-CP
ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)*

Đơn vị tính: người.

STT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội	
		Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu bảo hiểm xã hội tự nguyện tối thiểu
1	Tuyên Quang	260.107	54.346
2	Cao Bằng	106.048	31.328
3	Lai Châu	75.606	16.451
4	Lào Cai	295.163	64.872
5	Thái Nguyên	508.294	61.991
6	Điện Biên	104.817	26.893
7	Lạng Sơn	133.710	24.072
8	Sơn La	166.667	41.865
9	Phú Thọ	1.047.633	128.576
10	Bắc Ninh	1.420.416	90.476
11	Quảng Ninh	500.963	40.266
12	Hà Nội	3.702.304	113.080
13	Hải Phòng	1.551.009	108.723
14	Hung Yên	968.330	102.254
15	Ninh Bình	1.065.652	100.076
16	Thanh Hoá	877.487	126.566
17	Nghệ An	706.710	162.163
18	Hà Tĩnh	267.590	72.480
19	Quảng Trị	342.696	84.144
20	Huế	272.668	33.632
21	Đà Nẵng	856.525	68.036
22	Quảng Ngãi	373.540	53.705
23	Gia Lai	466.345	59.152
24	Đắk Lắk	387.197	63.488
25	Khánh Hoà	410.956	45.883
26	Lâm Đồng	519.002	79.754
27	Đồng Nai	1.665.856	52.763
28	Tây Ninh	1.008.327	40.257
29	TP Hồ Chí Minh	6.671.804	112.565
30	Đồng Tháp	635.845	68.899
31	An Giang	485.354	64.998
32	Vĩnh Long	605.889	89.920
33	Cần Thơ	606.235	100.025
34	Cà Mau	267.253	60.801
Cả nước		29.334.000	2.444.500

* Ghi chú: Tính theo số người tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn, do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh quản lý thu./.